

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 157/2022/DS-PT

Ngày: 09/6/2022

*V/v yêu cầu chia thừa kế và hủy giấy
chứng nhận quyền sử dụng đất*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Bình;

Các Thẩm phán: Ông Hồ Sỹ Hưng;

Ông Nguyễn Văn Cường.

Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thành Trung - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Tú Anh, Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa công khai xét xử phúc thẩm vụ án dân sự thụ lý số 283/2021/TLPT-DS ngày 11 tháng 11 năm 2021 về việc “*Yêu cầu chia thừa kế và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*”, do có kháng cáo của nguyên đơn đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2021/DS-ST ngày 20 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4748/2022/QĐ-PT ngày 23 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Vũ Xuân T, sinh năm 1946; địa chỉ: Thôn AH, xã VT, huyện VT2, tỉnh Vĩnh Phúc; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm DH, sinh năm 1993; địa chỉ: TDP Đội Cấn, thị trấn VT2, huyện VT2, tỉnh Vĩnh Phúc; có mặt.

2. Bị đơn: Bà Vũ Thị T2, sinh năm 1941; địa chỉ: Thôn AH, xã VT, huyện VT2, tỉnh Vĩnh Phúc; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hà Văn P, sinh năm 1969; địa chỉ: Thôn AH, xã VT, huyện VT2, tỉnh Vĩnh Phúc; vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ủy ban nhân dân (UBND) huyện VT2, tỉnh Vĩnh Phúc;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông H9g TT – Phó Chủ tịch UBND huyện VT2; vắng mặt.

- Bà Bùi Thị N1, sinh năm 1930; vắng mặt.
- Bà Bùi Thị Â, sinh năm 1935; vắng mặt.
- Ông Hà Huy L, sinh năm 1940; vắng mặt.
- Ông Hà Huy T3, sinh năm 1963; vắng mặt.
- Ông Hà Huy V3, sinh năm 1965; vắng mặt.
- Ông Hà Huy T4, sinh năm 1971; vắng mặt.
- Ông Hà Huy T5, sinh năm 1975; vắng mặt.
- Ông Hà Huy N6, sinh năm 1980; vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn AH, xã VT, huyện VT2, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Bà Hà Thị T7, sinh năm 1969; địa chỉ: Thôn Khách Nhi Xuôi, xã VT2, tỉnh Vĩnh Phúc; vắng mặt.

- Bà Hà Thị L8, sinh năm 1978; địa chỉ: Thôn H9g Xá Đông, xã VT, huyện VT2, tỉnh Vĩnh Phúc; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nguyên đơn ông Vũ Xuân T trình bày như sau:

Bố ông là cụ Vũ Văn Đ9, mẹ ông là cụ Đặng Thị H9, có 04 người con chung là Vũ Thị N1, Vũ Thị Â, Vũ Xuân T, Vũ Thị T11 (bà T11 đã chết năm 2019). Bố ông chung sống với cụ Đoàn Thị Ngạch sinh được 01 người con là bà Vũ Thị T2. Bố ông là cụ Vũ Văn Đ9 chết năm 1990, mẹ ông là cụ Đặng Thị H9 chết năm 1987, cụ Ngạch chết năm 1990. Tài sản của các cụ để lại có diện tích 370m², thửa số 78 tờ bản đồ số 09 ở thôn AH xã VT, huyện VT2, tỉnh Vĩnh Phúc; hiện nay vợ chồng ông ở cùng cháu trai trưởng là Vũ Tiến Lập đang ở trên đất. T bộ tài sản trên đất do vợ chồng ông tạo lập, các con các cháu không có công sức gì.

Ngoài ra, tài sản của các cụ để lại còn có diện tích đất 357m², thửa số 77 tờ bản đồ số 09 ở thôn AH, xã VT, huyện VT2, tỉnh Vĩnh Phúc, hiện nay thửa đất trên do bà Vũ Thị T2 đang quản lý. Ông xác định diện tích đất 370m² các cụ đã thống nhất cho ông, có anh em trong gia đình được biết, còn thửa đất 357m² bà T2 đã tự ý đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà T2. Thửa đất này trước đây là 02 thửa, 01 thửa 217m² do cụ ngoại bà T2 để lại cho mẹ con bà T2, 1 thửa diện tích 140m² do mẹ ông là cụ Đặng Thị H9 mua của cụ Đặng Thị Nga (em gái mẹ ông). Ông chỉ biết mẹ ông mua của cụ Nga do bố mẹ ông nói lại chứ không có tài L, chứng cứ gì về việc mua bán giữa cụ Nga và cụ

H9. Cụ Nga sau khi bán đất thì về quê chồng ở Sơn Tây, sau đó lại về quê ở AH và chết ở quê; chồng cụ Nga chết sớm, con cụ Nga 1 người là liệt sỹ, 2 người con gái đã lấy chồng; vì vậy, ông đề nghị chia thừa kế thừa đất trên. Tuy nhiên, gia đình ông đã thống nhất các đồng thừa kế khác đều N6 kỷ phần thừa kế cho ông và bà T2. Vì vậy đề nghị Tòa án xem xét chia cho ông và bà T2 mỗi người $\frac{1}{2}$ diện tích đất là 178,5m²; hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số E 0207877 do UBND huyện Vĩnh Lạc cấp ngày 30 tháng 10 năm 1994 thừa đất số 77, tờ bản đồ số 9 ở địa chỉ thôn AH, xã VT, huyện VT2, tỉnh Vĩnh Phúc diện tích 357m² mang tên Vũ Thị T2. Hiện nay diện tích đất tranh chấp không có công trình và tài sản gì.

Bị đơn bà Vũ Thị T2 và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là ông Hà Văn P trình bày như sau:

Mẹ bà là Đoàn Thị Ngạch, bố bà là cụ Vũ Văn Đ9; mẹ bà là vợ 2 của cụ Đ9; vợ cả của cụ Đ9 là cụ Đặng Thị H9. Bà lấy chồng là ông Hà Văn Hạnh (đã hy sinh năm 1967) và sinh được 1 người con gái tên là Hà Thị Sang (sinh năm 1960) lấy chồng ở thôn Trại Khách Nhi Ngược, xã VT.

Nguồn gốc thừa đất được cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số E 0207877 do UBND huyện Vĩnh Lạc cấp ngày 30 tháng 10 năm 1994 thừa đất số 77, tờ bản đồ số 9 ở địa chỉ thôn AH, xã VT, huyện VT2, tỉnh Vĩnh Phúc có diện tích 357m² mang tên Vũ Thị T2 là của ông bà ngoại bà cho mẹ bà. Khi mẹ bà lấy cụ Đ9, mẹ bà vẫn ở trên thừa đất 357m², cụ Đ9 ở với vợ cả là cụ Đặng Thị H9 thừa đất liền kề bên cạnh. Năm 1959, bà xây dựng gia đình nhưng vẫn ở cùng cụ Ngạch trên thừa đất diện tích 357m². Do bà không có con trai nên khoảng năm 1971-1972 bà đón ông Hà Văn P (là cháu của chồng bà) đến ở cùng. Năm 1994, bà được UBND huyện Vĩnh Lạc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) số E 0207877 diện tích 357m² và ở ổn định trên đất đến năm 2002, vì nhà 4 gian nhỏ đã xuống cấp nên bà chuyển đến ở với con nuôi là Hà Văn P ở thừa đất khác cùng thôn. Hiện nay ông T đã xây tường rào ngăn cách giữa 02 thừa đất, mốc giới là 01 bể nước cũ có ghi chữ 1957.

Cụ Đ9 và cụ Ngạch mất không để lại di chúc, đất của ai người đẩy ở, đã phân chia rất rõ ràng. Quá trình bà ở trên đất không có tranh chấp gì nhưng đến năm 1996, ông T đưa ra yêu cầu sau này ông phải được thừa kế thừa đất 357m² vì lý do bà không có con trai thừa kế. Bà xác định thừa đất 357m² do ông bà ngoại của bà cho cụ Ngạch, không cho cụ Đ9. Vì vậy, quan điểm của bà là không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Văn T về việc hủy GCNQSDĐ và chia thừa kế đối với thừa đất 357m² nêu trên; đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trình bày:

Ủy ban nhân dân huyện VT2, người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện trình bày: Hiện nay kho lưu trữ hồ sơ của Ủy ban nhân

dân huyện VT2 không còn lưu trữ hồ sơ liên quan đến việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số E 0207877 do UBND huyện Vĩnh Lạc cấp ngày 30 tháng 10 năm 1994, thửa đất số 77, tờ bản đồ số 9 ở địa chỉ thôn AH, xã VT, huyện VT2, tỉnh Vĩnh Phúc có diện tích 357m² mang tên Vũ Thị T2.

Bà Vũ Thị Á trình bày: Đồng ý với lời trình bày của ông Vũ Văn T xác định một phần trong diện tích đất 357m² mà bà T2 đang quản lý do mẹ bà là cụ H9 nhận chuyển nhượng của cụ Nga (em gái mẹ bà). Việc nhận chuyển nhượng bà chỉ nghe bố mẹ bà nói lại, cụ thể như thế nào bà không rõ; do vậy, đề nghị Tòa án xem xét chia phần của mẹ bà đã mua. Còn phần đất của cụ ngoại bà T2 cho mẹ con bà T2 thì bà T2 được quyền quản lý; ông T khởi kiện chia thừa kế nếu được Tòa án xem xét, bà có quan điểm tự nguyện không yêu cầu hưởng di sản thừa kế và N6 cho ông T, bà T2. Do tuổi cao nên tôi đề nghị được vắng mặt T bộ tại các buổi làm việc, hòa giải, xét xử của Tòa án.

Bà Vũ Thị N1 trình bày: Do sức khỏe yếu trí nhớ kém nên bà đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật; nếu được hưởng thừa kế bà không lấy đề nghị chia cho ông T.

Ông Hà Huy L trình bày: Ông kết hôn với bà Vũ Thị T11 là con gái cụ Đ9 và cụ H9 năm 1958; bà T11 đã mất năm 2019. Quan điểm của ông nếu Tòa án phân chia di sản thừa kế thì ông không lấy đề nghị chia đều cho ông T và bà T2; ông xin vắng mặt tại các buổi làm việc và xét xử.

Ông Hà Huy T3, ông Hà Huy V3, ông Hà Huy T4, ông Hà Huy T5, ông Hà Huy N6, bà Hà Thị T7, bà Hà Thị L8 trình bày: Các ông bà là con trai, con gái bà Vũ Thị T11; vụ án giữa ông T và bà T2 các ông bà không liên quan gì. Nếu được hưởng thừa kế các ông bà không lấy đề nghị chia đều cho ông T và bà T2; các ông bà xin vắng mặt tại các buổi làm việc và xét xử.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2021/DS-ST ngày 20 tháng 4 năm 2021, Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đã quyết định:

Áp dụng khoản 5 Điều 26, Điều 34 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 609, 610, 612, 613, 621, 649, 650, 654 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Xuân T về việc chia thừa kế thừa đôi với thửa đất số 77, tờ bản đồ số 9 ở địa chỉ thôn AH, xã VT, huyện VT2, tỉnh Vĩnh Phúc diện tích 357m² mang tên Vũ Thị T2 và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số E 0207877 do UBND huyện Vĩnh Lạc cấp ngày 30 tháng 10 năm 1994 đối với thửa đất số 77, tờ bản đồ số 9 ở địa chỉ thôn AH, xã VT, huyện VT2, tỉnh Vĩnh Phúc diện tích 357m² mang tên Vũ Thị T2.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng và thông báo quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 29/4/2021, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Vũ Xuân T có đơn kháng cáo T bộ bản án sơ thẩm.

Người đại diện của nguyên đơn có kháng cáo vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội sau khi phân tích, đánh giá các tài L, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nghe ý kiến của đương sự tại phiên tòa và đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án; căn cứ các tài L, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; ý kiến của đương sự và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội; Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1]. Kháng cáo của người đại diện hợp pháp của ông Vũ Xuân T trong thời hạn luật định và hợp lệ nên được xem xét, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2]. Về nguồn gốc diện tích đất 357m² (đo đạc thực tế là 349,8m²) tại thửa số 77, tờ bản đồ số 09 thôn AH, xã VT, huyện VT2, tỉnh Vĩnh Phúc: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện việc thu thập các tài L, chứng cứ tại chính quyền địa phương. Tuy nhiên, Ủy ban nhân dân xã VT, Ủy ban nhân dân huyện VT2 đều xác định không còn lưu trữ các tài L liên quan đến thửa đất nêu trên trước thời điểm bà Vũ Thị T2 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà T2 hiện không thu thập được do các cơ quan không còn lưu giữ. Tại cấp sơ thẩm, bà Vũ Thị T2 xuất trình cho Tòa án 01 Vi bằng có đại diện chính quyền địa phương là ông Nguyễn Phùng Xuân - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã VT tham gia, theo đó: Ủy ban nhân dân xã VT xác định nguồn gốc diện tích đất nêu trên là của bố mẹ cụ Đoàn Thị Ngạch, sau này cụ Ngạch cùng bà T2 là con gái ở trên đất; khi cụ Ngạch chết, bà T2 là người quản lý, sử dụng đất. Bà T2 và con nuôi là ông Hà Văn P là người thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất cho Nhà nước từ khi quản lý, sử dụng đất cho đến nay. Trên cơ sở đó Ủy ban nhân dân xã VT đã làm thủ tục đề nghị Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Lạc (nay là huyện VT2) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà T2.

Ông Vũ Xuân T cho rằng: Thửa đất nêu trên trước đây là 02 thửa, 01 thửa 217m² do cụ ngoại bà T2 để lại cho mẹ con bà T2, 1 thửa diện tích 140m² do mẹ ông là cụ Đặng Thị H9 mua của cụ Đặng Thị Nga (em gái cụ H9). Tòa án cấp sơ thẩm đã yêu cầu ông T cung cấp các tài L, chứng cứ để chứng minh nguồn gốc đất nhưng T khai. Tuy nhiên, trong suốt quá trình giải quyết vụ án, ông T

không cung cấp được tài L, chứng cứ chứng minh có việc mua bán đất giữa cụ H9 và cụ Nga như lời khai của ông. Tại các lời khai có trong hồ sơ vụ án và biên bản phiên tòa sơ thẩm ông T đều khẳng định chỉ được nghe bố mẹ ông kể lại về việc mua bán đất giữa cụ Nga và cụ H9, chứ không có ai chứng kiến, làm chứng hay xác nhận bằng văn bản về việc mua bán đất giữa cụ Nga và cụ H9. Mặt khác, tại bút L8 số 223 - bà Vũ Thị Á là chị gái của ông T khẳng định nguồn gốc thửa đất đang tranh chấp là của bên nhà ngoại bà T2, cụ Ngạch để lại. Theo lời khai của các đương sự, những người làm chứng cùng xác nhận của chính quyền địa phương thì cụ H9, cụ Đ9 cùng các con đẻ của cụ H9, cụ Đ9 không phải là người sử dụng đất, chỉ có cụ Ngạch cùng con gái là bà Vũ Thị T2 đã xây nhà, công trình trên đất và sử dụng cho đến nay. Việc sử dụng đất của cụ Ngạch và bà T2 là công khai, cụ Đ9, cụ H9 cùng các con của cụ Đ9, cụ H9 biết nhưng không có ý kiến phản đối gì.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành lấy lời khai của những người làm chứng là những người có cùng độ tuổi với các cụ Đ9, cụ H9, cụ Ngạch và những người sinh sống gần gia đình các cụ Đ9, cụ H9, cụ Ngạch đều khẳng định sau khi cụ Đ9 lấy cụ Ngạch thì cụ Ngạch không sống cùng cụ Đ9 và cụ H9 mà sống riêng trên thửa đất đang tranh chấp. Do đó, lời khai của bà Vũ Thị T2 về nguồn gốc diện tích đất 357m² (đo đạc thực tế là 349,8m²) tại thửa số 77, tờ bản đồ số 09 thôn AH, xã VT, huyện VT2, tỉnh Vĩnh Phúc là do ông bà ngoại của Bà để lại cho cụ Đoàn Thị Ngạch là có cơ sở chấp nhận. Như vậy, Hội đồng xét xử thấy có căn cứ xác định nguồn gốc diện tích đất tranh chấp là của cụ Đoàn Thị Ngạch mẹ đẻ bà Vũ Thị T2.

[3]. Xét yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Xuân T: Ông T khởi kiện đề nghị được chia thừa kế đối với diện tích đất 357m² và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số E 0207877 do UBND huyện Vĩnh Lạc cấp ngày 30/10/1994 đối với thửa đất số 77, tờ bản đồ số 9 ở địa chỉ thôn AH, xã VT, huyện VT2, tỉnh Vĩnh Phúc diện tích 357m² mang tên Vũ Thị T2.

Về quan hệ huyết thống: Hồ sơ vụ án thể hiện cụ Vũ Văn Đ9 có hai vợ là cụ Đặng Thị H9 và cụ Đoàn Thị Ngạch. Cụ Vũ Văn Đ9 chung sống với cụ Đặng Thị H9 có 04 người con chung là Vũ Thị N1, Vũ Thị Á, Vũ Xuân T, Vũ Thị T11 (bà T11 đã chết năm 2019). Cụ Vũ Văn Đ9 chung sống với cụ Đoàn Thị Ngạch sinh được 01 người con là bà Vũ Thị T2.

Về thời hiệu khởi kiện: Cụ Đ9 chết năm 1990, cụ H9 chết năm 1987, cụ Ngạch chết năm 1990. Theo quy định của Bộ luật dân sự năm 2015 thì thời hiệu thừa kế là 30 năm đối với bất động sản kể từ thời điểm mở thừa kế. Ngày 10/6/2019, ông T khởi kiện yêu cầu chia thừa kế đối với di sản do các cụ Đ9, cụ H9, cụ Ngạch để lại là còn thời hiệu theo quy định của pháp luật.

Về di sản thừa kế: Theo ông T trước khi chết các cụ không để lại di chúc, khối tài sản các cụ để lại gồm: diện tích 370m², thửa số 78 tờ bản đồ số 09 ở

thôn AH xã VT, huyện VT2, tỉnh Vĩnh Phúc, hiện nay ông T và cháu trai trưởng đang ở. Ngoài ra còn có diện tích đất 357m², thửa số 77 tờ bản đồ số 09 ở thôn AH, xã VT, huyện VT2, tỉnh Vĩnh Phúc do bà Vũ Thị T2 đang quản lý. Do diện tích đất 357m², thửa số 77 tờ bản đồ số 09 ở thôn AH chưa được chia nên ông khởi kiện chia thừa kế đối với phần đất 357m². Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự thống nhất chỉ đề nghị chia thừa kế đối với diện tích đất 357m². Hội đồng xét xử thấy: Như phân tích tại mục [2] nêu trên, nguồn gốc diện tích đất 357m² tại thửa số 77 tờ bản đồ số 09 ở thôn AH, xã VT, huyện VT2, tỉnh Vĩnh Phúc là của ông bà ngoại bà Vũ Thị T2 để lại cho cụ Đoàn Thị Ngạch. Do đó, cụ Đ9 và cụ H9 không có công sức gì trong việc tạo lập khối tài sản là diện tích đất 357m² thửa số 77 tờ bản đồ số 09 ở thôn AH, nên đây là tài sản riêng của cụ Ngạch để lại trước khi chết.

Về hàng thừa kế: Căn cứ các tài L, chứng cứ thu thập được trong hồ sơ vụ án, lời khai của các đương sự và những người làm chứng đều khẳng định: Sau khi cụ Đ9 lấy cụ Ngạch thì cụ Đ9 chung sống cùng cụ H9 tại diện tích đất ông T đang sử dụng, còn cụ Ngạch cùng bà Tình sinh sống tại thửa đất đang tranh chấp. Cụ H9 chết năm 1987, khi đó các con của cụ Đ9, cụ H9 đã trên 40 tuổi nên giữa cụ Ngạch và các con của cụ Đ9, cụ H9 không có quan hệ nuôi dưỡng gì. Hồ sơ vụ án thể hiện cụ Ngạch chỉ có con đẻ là bà Vũ Thị T2 nên sau khi lấy chồng bà T2 vẫn sống cùng mẹ là cụ Ngạch trên diện tích đất đang tranh chấp đến khi cụ Ngạch chết. Do vậy, cụ Ngạch và các con của cụ H9, cụ Đ9 không có quan hệ chăm sóc nhau. Vì vậy, theo quy định tại Điều 654 Bộ luật Dân sự thì các con của cụ Đ9, cụ H9 gồm ông T, bà N1, bà A và bà T11 không được thừa kế di sản do cụ Đoàn Thị Ngạch để lại mà chỉ có bà Vũ Thị T2 là con đẻ của cụ Đoàn Thị Ngạch được thừa kế di sản do cụ Đoàn Thị Ngạch để lại.

Sau khi cụ Đoàn Thị Ngạch chết, bà Vũ Thị T2 quản lý, sử dụng đất ổn định, thực hiện nghĩa vụ tài chính đầy đủ với Nhà nước và không có tranh chấp về mốc giới, ranh giới với các hộ dân có đất liền kề. Năm 1993, thực hiện chính sách cấp bằng chứng cho T dân, Ủy ban nhân dân xã VT đã làm thủ tục đề nghị Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Lạc (nay là huyện VT2) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Vũ Thị T2 là đúng trình tự, quy định pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm ông Vũ Xuân T không xuất trình được tình tiết hoặc tài L, chứng cứ mới. Hội đồng xét xử xét thấy: Tòa án cấp sơ thẩm quyết định không chấp nhận T bộ yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Xuân T là có căn cứ, đúng pháp luật. Đề nghị tại phiên tòa của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội về việc không chấp nhận kháng cáo của ông Vũ Xuân T và giữ nguyên bản án sơ thẩm là có cơ sở, được chấp nhận.

[4]. Về án phí phúc thẩm: Do ông Vũ Xuân T là người cao tuổi thuộc diện được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa

án nên Hội đồng xét xử quyết định ông Vũ Xuân T được miễn nộp T bộ án phí dân sự phúc thẩm.

[5]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Phạm DH là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Vũ Xuân T và giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2021/DS-ST ngày 20 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

2. Về án phí phúc thẩm: Ông Vũ Xuân T được miễn nộp T bộ án phí dân sự phúc thẩm; H9 trả cho ông Phạm DH 300.000 đồng tiền dự phí phúc thẩm theo Biên lai số 0001773 ngày 27/7/2021 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Phúc.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- Cục THADS tỉnh Vĩnh Phúc;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu HS, HCTP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Thúy Bình

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Cường Hồ Sỹ Hưng

Lê Thị Thúy Bình

